

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/DS – ST

Ngày: 15/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phong

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2023/QĐST - DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là V); địa chỉ: Tầng 1 – tầng 2 Tòa nhà S – 111 A P, phường B Quận A, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Trần Đăng D, sinh năm: 1996; địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 U, Phường B, Quận B, Thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023. Ông D có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; cùng cư trú: số 14/1 ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1998; nơi cư trú: số 14/1 ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh B theo văn bản ủy quyền đề ngày 26/4/2023.

Ông R, bà C, ông T cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V) – ông Phan Trần Đăng D trình bày:

Ngày 06/10/2020 Ngân hàng TMCP Q (V) – V Chi nhánh Quận A - PGD L (nay là V) ký với khách hàng Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C hợp đồng tín dụng số 3029835.20 ngày 06/10/2020 với nội dung: V cho khách hàng Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C vay số tiền 665.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU NQR75ME4/CMN-TK; Thời hạn vay: 72 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 30 mỗi tháng trả 9.230.000 đồng, tháng cuối cùng trả phần còn lại. Kỳ trả nợ đầu tiên 30/10/2020. Trả lãi hàng tháng vào ngày 30. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 07/10/2020 V đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 3029835(1).20 với số tiền 665.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 06/10/2020 khách hàng Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ V Rewards Unlimited, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của V trong từng thời kỳ.

Khoản vay có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5443615.20 ngày 06/10/2020. Tuy nhiên Ngân hàng TMCP Q (V) không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 10/12/2021.

Nay Ngân hàng TMCP Q (V) yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 15/09/2023 là 767.663.587 đồng, gồm: nợ gốc là 515.391.027 đồng, nợ lãi là 176.648.118 đồng, nợ thẻ tín dụng là 75.624.442 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 16/09/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C thanh toán xong

toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo ủy quyền của ông R, bà C là ông Nguyễn Minh T luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Q (V) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả tiền vay theo các hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại xã Q, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C cùng người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án Tụ tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Q (V) yêu cầu ông Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền đã vay tính đến ngày 15/09/2023 là 767.663.587 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 515.391.027 đồng, nợ lãi là 176.648.118 đồng, nợ thẻ tín dụng là 75.624.442 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 16/09/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, hợp đồng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền vay: Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 3029835.20 ngày 06/10/2020 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/10/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông R và bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005, phù hợp với quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 10/12/2021 làm ảnh

hưởng quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/9/2023 là 767.663.587 đồng, gồm: nợ gốc 515.391.027 đồng, nợ lãi 176.648.118 đồng, nợ thẻ tín dụng 75.624.442 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 16/9/2023 là có căn cứ và phù hợp quy định định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5443615.20 ngày 06/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q (V) và ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị C do Ngân hàng TMCP Q (V), ông R và bà C không có yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, màu sơn trắng, biển số 71H- 000.19, số khung RLEN1R75MLV100090 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 186, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, 95 điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V). Buộc ông Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q (V) tính đến ngày 15/9/2023 số tiền 767.663.587 đồng. Đồng thời ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/9/2023 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 3029835.20 ngày 06/10/2020 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/10/2020 đã ký kết giữa các bên cho đến ngày trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 3029835.20 ngày 06/10/2020 và hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn R và Nguyễn Thị C phải liên đới chịu 34.706.543 đồng.
- Ngân hàng TMCP Q (V) được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.667.000 đồng theo biên lai thu số 0002020 ngày 13/4/2023.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Cẩm Nhung